

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY
CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo có tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Khang Ninh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch (nghỉ hưu từ ngày 15 tháng 4 năm 2013)
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hưng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Số: 269 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 40. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 12 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1130-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		25.874.986.329.730	20.371.923.851.895
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.781.206.438.976	12.753.084.518.890
1. Tiền	111		3.177.922.938.976	2.863.132.509.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.603.283.500.000	9.889.952.009.867
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.050.000.000	68.900.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	21.050.000.000	68.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.957.905.266.039	5.373.621.264.496
1. Phải thu khách hàng	131		5.100.157.713.177	4.685.347.490.903
2. Trả trước cho người bán	132		549.118.070.032	238.284.434.969
3. Các khoản phải thu khác	135	7	362.670.906.757	503.275.558.814
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(54.041.423.927)	(53.286.220.190)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.640.805.164.723	1.613.861.504.515
1. Hàng tồn kho	141		1.723.475.633.302	1.697.933.795.824
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(82.670.468.579)	(84.072.291.309)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		474.019.459.992	562.456.563.994
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		84.824.519.004	80.864.897.395
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		128.143.119.437	242.263.975.928
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	557.442.548	746.260.576
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	260.494.379.003	238.581.430.095
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		22.666.586.614.236	24.154.899.329.132
I. Tài sản cố định	220		20.029.617.335.190	20.995.219.488.496
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.764.156.590.440	15.322.431.154.651
- Nguyên giá	222		30.901.695.513.486	28.892.920.270.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.137.538.923.046)	(13.570.489.116.154)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	143.982.603.868	171.444.164.015
- Nguyên giá	225		233.414.964.033	233.414.964.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(89.432.360.165)	(61.970.800.018)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	345.125.748.678	344.498.531.074
- Nguyên giá	228		370.526.255.729	365.265.638.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.400.507.051)	(20.767.107.642)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	3.776.352.392.204	5.156.845.638.756
II. Bất động sản đầu tư	240		-	762.243.170
- Nguyên giá	241		-	5.653.026.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(4.890.783.543)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		848.091.671.707	867.827.381.026
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	75.491.387.927	75.635.750.091
2. Đầu tư dài hạn khác	258	18	847.600.283.780	847.600.283.780
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(75.000.000.000)	(55.408.652.845)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.788.877.607.339	2.291.090.216.440
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	1.760.884.137.742	2.265.490.285.995
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		5.105.331.133	3.521.287.287
3. Tài sản dài hạn khác	268		22.888.138.464	22.078.643.158
C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269	20	580.713.104.483	619.357.443.887
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		49.122.286.048.449	45.146.180.624.914

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		15.133.788.529.151	16.310.931.351.123
I. Nợ ngắn hạn	310		9.246.510.806.026	8.056.204.626.148
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	3.153.980.708.440	3.041.859.621.480
2. Phải trả người bán	312		3.134.444.134.877	2.374.444.302.083
3. Người mua trả tiền trước	313		22.750.544.482	11.632.553.842
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	961.031.748.456	708.635.752.915
5. Phải trả người lao động	315		108.405.363.967	163.803.747.694
6. Chi phí phải trả	316	23	1.194.825.527.296	1.191.150.294.664
7. Phải trả ngắn hạn nội bộ	317	24	50.069.049.220	45.631.637.351
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	492.973.490.793	456.754.972.429
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		128.030.238.495	62.291.743.690
II. Nợ dài hạn	330		5.887.277.723.125	8.254.726.724.975
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	26	44.264.383.269	44.264.383.269
2. Phải trả dài hạn khác	333	27	247.641.047.889	270.061.016.924
3. Vay và nợ dài hạn	334	28	5.175.392.183.222	6.188.759.149.207
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		686.861.084	-
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		72.560.442.692	1.261.561.198
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		339.778.357.330	596.715.164.385
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		6.954.447.639	1.153.665.449.992
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400		32.310.863.692.220	27.192.763.424.095
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	32.310.863.692.220	27.191.199.379.241
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.950.000.000.000	18.950.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		33.010.841.083	33.010.841.083
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.235.596.821.406	1.548.073.253.137
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.459.089.933.157	1.456.619.605.947
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		134.944.997.553	131.687.747.553
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.498.221.099.021	5.071.807.931.521
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	1.564.044.854
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	1.564.044.854
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	30	1.677.633.827.078	1.642.485.849.696
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		49.122.286.048.449	45.146.180.624.914

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2013	31/12/2012
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (Kg)	573.734	1.108.431
2. Ngoại tệ các loại		
USD	1.891.151	4.596.527
EUR	1.442	1.638


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

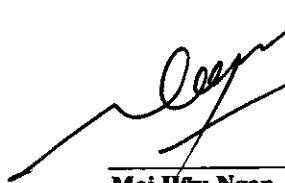
MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	31.855.998.763.952	36.712.763.676.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	53.703.209.487	40.702.147.687
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10	32	31.802.295.554.465	36.672.061.529.225
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	22.597.313.105.981	29.467.098.096.704
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.204.982.448.484	7.204.963.432.521
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	567.202.890.212	617.443.503.757
7. Chi phí tài chính	22	35	339.790.484.295	257.088.435.661
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		209.755.353.313	213.547.957.005
8. Chi phí bán hàng	24		630.735.598.895	624.613.205.919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		863.119.855.521	899.495.183.549
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		7.938.539.399.985	6.041.210.111.149
11. Thu nhập khác	31	36	1.175.156.453.254	56.918.956.355
12. Chi phí khác	32	37	32.851.630.908	20.349.282.164
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.142.304.822.346	36.569.674.191
14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	45		2.254.026.817	(2.208.377.687)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		9.083.098.249.148	6.075.571.407.653
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	1.705.642.448.089	1.149.930.731.926
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.584.043.846)	(2.456.119.393)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.379.039.844.905	4.928.096.795.120
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		178.096.782.919	258.490.005.476
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		7.200.943.061.986	4.669.606.789.644
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	3.796	2.461


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.083.098.249.148	6.075.571.407.653
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.623.098.513.562	1.557.263.118.899
Các khoản dự phòng	03	18.944.728.162	(342.084.536)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	72.032.465.184	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(552.536.230.405)	(582.744.282.948)
Chi phí lãi vay	06	209.755.353.313	213.547.957.005
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.454.393.078.964	7.263.296.116.073
Biến động các khoản phải thu	09	(485.169.789.385)	(4.395.956.158.575)
Biến động hàng tồn kho	10	(25.541.837.478)	100.111.103.912
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(267.873.819.467)	3.182.983.603.191
Biến động chi phí trả trước và tài sản khác	12	640.277.958.649	358.292.150.910
Tiền lãi vay đã trả	13	(247.557.281.740)	(205.963.541.484)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.591.224.766.930)	(849.681.963.546)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	27.014.880.807	2.664.528.300
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(356.242.435.351)	(238.938.981.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.148.075.988.069	5.216.806.857.334
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(846.453.902.010)	(994.742.508.815)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(355.637.836)	(252.558.425.396)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	48.350.000.000	340.265.450.967
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	571.827.493.544	622.733.299.676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(226.632.046.302)	(284.302.183.568)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.064.571.836.283	689.843.834.408
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.043.285.079.779)	(1.480.130.171.591)
3. Tiền trả nợ thuế tài chính	35	-	(13.915.783.197)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.914.318.474.270)	(2.263.605.720.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.893.031.717.766)	(3.067.807.840.380)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.028.412.224.001	1.864.696.833.386
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.753.084.518.890	10.045.200.208.018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(290.303.915)	19.365.907
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.781.206.438.976	11.909.916.407.311


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng




Đỗ Khang Ninh
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là GAS.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS South")
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "PVGAS North")
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS D")
- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (sau đây gọi tắt là "PV Coating")
- Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PSCC")
- Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Cylinder")
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Pipe").

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống, chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan, chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quyết toán cổ phần hóa**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó tối đa là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày theo giá gốc, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng, khoản tiền ủy thác quản lý vốn ngắn hạn và hưởng lãi suất ủy thác tương ứng với kết quả của hoạt động ủy thác và các khoản đầu tư ngắn hạn khác.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	2 - 9
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến sáu năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% tổng số vốn tương đương quyền biểu quyết của các công ty này, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá trị có thể thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị vỏ bình gas và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Giá trị vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính của vỏ bình (kỳ quỹ, kỳ cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác và được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas). Giá trị vỏ bình gas được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá mười (10) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí còn lại được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm Tổng Công ty phát hành hoá đơn giá trị gia tăng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 10% thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập số dư Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với số tiền 1.146.711.002.353 đồng và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như trình bày tại Thuyết minh số 36.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	19.809.173.423	13.967.220.175
Tiền gửi ngân hàng	3.157.383.765.553	2.849.165.288.848
Tiền đang chuyển	730.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	14.603.283.500.000	9.889.952.009.867
	17.781.206.438.976	12.753.084.518.890

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng và tổ chức tài chính.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn và ủy thác quản lý vốn từ 12 tháng trở xuống	21.050.000.000	65.800.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	3.100.000.000
	21.050.000.000	68.900.000.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	83.558.998.625	148.896.597.399
Phải thu Công ty Cổ phần Địa Ốc Phú Long	85.393.477.437	215.139.399.300
Phải thu PVC MeKong liên quan đến hợp đồng xây dựng khu văn phòng cho thuê tại Bạc Liêu	50.000.000.000	50.000.000.000
Lãi dự thu hợp đồng ủy thác quản lý vốn và tiền gửi có kỳ hạn	16.172.888.891	33.049.479.260
Các khoản phải thu khác	127.545.541.804	56.190.082.855
	362.670.906.757	503.275.558.814

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	29.233.627.162	24.239.996.690
Nguyên liệu, vật liệu	499.760.741.669	589.315.538.676
Công cụ, dụng cụ	57.689.210.134	64.028.781.677
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.343.963.847	96.321.933.781
Thành phẩm	42.004.528.962	163.692.283.252
Hàng hóa	1.045.410.181.918	760.335.261.748
Hàng gửi bán	33.379.610	-
	1.723.475.633.302	1.697.933.795.824
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(82.670.468.579)	(84.072.291.309)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.640.805.164.723	1.613.861.504.515

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	113.308.131	201.612.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp	234.820.831	218.273.332
Thuế thu nhập cá nhân	180.000.000	-
Các loại thuế khác	29.313.586	326.374.820
	557.442.548	746.260.576

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	969.254.417	370.300.170
Tạm ứng	13.437.002.655	16.447.885.255
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	241.812.276.801	221.763.244.670
Khác	4.275.845.130	-
	260.494.379.003	238.581.430.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	2.557.213.836.987	2.038.547.681.969	497.734.595.094	151.785.639.912	23.647.638.516.843	28.892.920.270.805
Mua trong kỳ	5.057.293.651	30.737.463.356	1.125.012.453	5.895.228.077	179.487.079	42.994.484.616
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.980.207.099.496	16.257.798.745	-	-	-	1.996.464.898.241
Điều chỉnh theo quyết toán	3.517.010.800	-	-	-	-	3.517.010.800
Tăng khác	6.523.221.649	-	-	10.863.636	-	6.534.085.285
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.047.958)	-	(290.194.029)	-	(337.241.987)
Giảm khác	(165.504.443)	(927.113.304)	-	(1.202.794.008)	-	(2.295.411.755)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(466.549.693)	(10.951.606.970)	(288.140.825)	(23.736.320.017)	(2.659.965.014)	(38.102.582.519)
Phân loại lại	4.468.132.328	(11.427.435.348)	6.560.813.706	627.489.353	(229.000.039)	-
Tại ngày 30/6/2013	4.556.354.540.775	2.062.189.740.490	505.132.280.428	133.089.912.924	23.644.929.038.869	30.901.695.513.486
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	984.005.062.327	734.109.573.580	254.617.501.217	95.094.289.438	11.502.662.689.592	13.570.489.116.154
Khấu hao trong kỳ	161.821.003.962	179.974.139.946	51.932.092.106	11.825.330.051	1.184.957.844.540	1.590.510.410.605
Tăng khác	4.890.783.543	-	-	-	-	4.890.783.543
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.047.958)	-	(290.194.029)	-	(337.241.987)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(122.626.040)	(7.309.855.800)	(242.165.397)	(17.936.938.766)	(1.535.906.096)	(27.147.492.099)
Giảm khác	-	(114.370.083)	-	(752.283.087)	-	(866.653.170)
Phân loại lại	(5.913.348.046)	3.915.342.951	2.313.256.666	507.453.019	(822.704.590)	-
Tại ngày 30/6/2013	1.144.680.875.746	910.527.782.636	308.620.684.592	88.447.656.626	12.685.261.923.446	15.137.538.923.046
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	3.411.673.665.029	1.151.661.957.854	196.511.595.836	44.642.256.298	10.959.667.115.423	15.764.156.590.440
Tại ngày 31/12/2012	1.573.208.774.660	1.304.438.108.389	243.117.093.877	56.691.350.474	12.144.975.827.251	15.322.431.154.651

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 280.866.182.031 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 192.193.326.339 đồng).

Các công trình khí tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được trình bày trong nhóm “Tài sản cố định khác” bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 7.322.269.965.787 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.550.544.476.967 đồng) được tạm tăng theo chỉ phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tổng Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 124.728.034.475 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 290.442.965.235 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	231.893.729.033	1.521.235.000	233.414.964.033
Mua trong kỳ	-	-	-
Phân loại lại	(42.086.821.615)	42.086.821.615	-
Tại ngày 30/6/2013	189.806.907.418	43.608.056.615	233.414.964.033
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	60.604.192.770	1.366.607.248	61.970.800.018
Khấu hao trong kỳ	20.341.448.562	7.120.111.585	27.461.560.147
Phân loại lại	(14.104.364.947)	14.104.364.947	-
Tại ngày 30/6/2013	66.841.276.385	22.591.083.780	89.432.360.165
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	122.965.631.033	21.016.972.835	143.982.603.868
Tại ngày 31/12/2012	171.289.536.263	154.627.752	171.444.164.015

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	327.803.748.435	31.640.712.659	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	365.265.638.716
Tăng trong kỳ	226.592.366	5.162.626.751	-	-	-	5.389.219.117
Tăng khác	61.582.000	-	-	-	-	61.582.000
Giảm khác	-	(33.000.004)	-	-	-	(33.000.004)
Phân loại tài sản không đủ tiêu chuẩn	-	(157.184.100)	-	-	-	(157.184.100)
Phân loại lại	(152.000.000)	152.000.000	(1.464.370.376)	(4.288.007.246)	5.752.377.622	-
Tại ngày 30/6/2013	327.939.922.801	36.765.155.306	-	-	5.821.177.622	370.526.255.729
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	2.592.412.977	17.798.323.498	336.237.837	-	40.133.330	20.767.107.642
Khấu hao trong kỳ	399.621.450	4.294.919.110	-	-	92.820.582	4.787.361.142
Giảm khác	-	(25.593.355)	-	-	-	(25.593.355)
Phân loại tài sản không đủ tiêu chuẩn	-	(128.368.378)	-	-	-	(128.368.378)
Phân loại lại	(63.376.670)	(4.968.110)	(336.237.837)	-	404.582.617	-
Tại ngày 30/6/2013	2.928.657.757	21.934.312.765	-	-	537.536.529	25.400.507.051
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	325.011.265.044	14.830.842.541	-	-	5.283.641.093	345.125.748.678
Tại ngày 31/12/2012	325.211.335.458	13.842.389.161	1.128.132.539	4.288.007.246	28.666.670	344.498.531.074

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	311.471.860.719	183.440.931.235
Kho chứa LPG lạnh	-	1.853.555.696.608
Dự án Chung cư C2 Chí Linh	46.438.795.278	46.438.795.278
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	395.235.753.607	307.710.556.124
Kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng	131.849.342.644	131.848.342.644
Dự án nhà máy sản xuất ống thép dầu khí	2.036.235.067.789	2.034.167.598.362
Công trình trạm khí CNG cho xe ô tô	-	6.615.159.054
Nhà máy xử lý khí Cà Mau	77.273.975.014	73.445.529.518
Kho chứa LNG Thị Vải	80.863.661.234	69.941.941.558
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình	55.070.619.519	52.658.320.301
Các hạng mục dùng chung của kho chứa LPG lạnh Thị Vải và Kho LNG	232.097.033.382	181.933.290.591
Công trình mở rộng hệ thống thu gom khí Mỏ Rồng giai đoạn 1	133.615.422.227	56.675.744.156
Tuyến đường ống kết nối Đông - Tây Nam Bộ	18.328.681.959	18.328.681.959
Hệ thống thu gom và vận chuyển khí Đại hùng - Nam Côn Sơn 2	20.223.216.492	-
Văn phòng điều hành PVGas D tại thành phố Vũng Tàu	45.350.202.218	27.950.495.197
Khác	192.298.760.122	112.134.556.171
	3.776.352.392.204	5.156.845.638.756

Tổng chi phí lãi tiền vay đã được vốn hóa vào giá trị các công trình xây dựng cơ bản trong kỳ là khoảng 27,5 tỷ đồng.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính	Số tiền đầu tư tại ngày 30/6/2013 VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (i)	TP HCM	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng	226.460.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (i)	Hà Nội	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng	118.364.908.900
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	TP HCM	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp	778.958.445.000
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	77,92%	91,00%	Sản xuất vỏ bình khí	50.699.840.000
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Vũng Tàu	76,50%	76,50%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	184.839.835.833
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí (ii)	Hà Nội	60,00%	60,00%	Hoạt động thể thao và văn hóa	6.173.987.852
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	94,00%	94,00%	Sản xuất ống thép	1.253.808.700.000
					2.619.305.717.585

(i) Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng Công ty góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc xác định các công ty này là công ty con của Tổng Công ty phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

(ii) Ngày 16 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí ("PSCC") đã ban hành Quyết định số 72/2013/QĐ-ĐHĐCĐ phê duyệt việc giải thể PSCC nhằm tái cấu trúc doanh nghiệp theo chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, PSCC đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để tiến hành giải thể.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	75.491.387.927	75.635.750.091
	75.491.387.927	75.635.750.091

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hà Nội	35,51%	Kinh doanh khí

17. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	70%
Phần vốn góp của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần chiếm tỷ lệ:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long chiếm tỷ lệ:	10%

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên giá tài sản cố định	718.541.747.813	718.541.747.813
Hao mòn lũy kế tài sản cố định	38.394.216.295	28.497.981.337
Giá trị còn lại của tài sản cố định	680.147.531.518	690.043.766.476

**Từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012
VND**

Doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh	58.546.878.037
Chi phí của hợp đồng hợp tác kinh doanh	25.753.047.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.198.457.549
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.595.372.647
<i>Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:</i>	
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	17.216.760.853
Tổng Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	4.919.074.529
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	2.459.537.265

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư cổ phiếu (i)	356.600.283.780	356.600.283.780
Ủy thác quản lý vốn dài hạn và tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	406.000.000.000	441.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	85.000.000.000	50.000.000.000
	847.600.283.780	847.600.283.780

- (i) Đầu tư cổ phiếu bao gồm giá trị khoản mua cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á với số tiền là 311.250.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và nhận thấy không có sự suy giảm giá trị nên không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh doanh nghiệp (i)	796.173.752.510	1.251.130.182.514
Chi phí vô bình gas chờ phân bổ	659.142.289.804	634.997.802.500
Chi phí trả trước dài hạn khác	305.568.095.428	379.362.300.981
	1.760.884.137.742	2.265.490.285.995

- (i) Lợi thế kinh doanh doanh nghiệp của Tổng Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Giá trị đã phân bổ vào chi phí trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 454.956.430.004 đồng.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	619.357.443.887	692.064.922.695
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(38.644.339.404)	(34.063.139.404)
Số dư cuối kỳ	580.713.104.483	658.001.783.291

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	116.893.070.000	255.022.306.049
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 28)	3.037.087.638.440	2.786.837.315.431
	3.153.980.708.440	3.041.859.621.480

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	212.667.620.009	111.594.020.440
Thuế xuất, nhập khẩu	39.440.709.360	2.956.111.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp	697.226.786.191	578.501.127.265
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.971.703.831	3.302.217.226
Thuế thu nhập cá nhân	6.404.761.362	11.610.834.793
Các loại thuế khác	1.320.167.703	671.441.946
	961.031.748.456	708.635.752.915

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 30/6/2013
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	111.392.408.016	1.047.789.501.798	946.627.597.936	212.554.311.878
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.302.217.226	21.209.574.052	20.540.087.447	3.971.703.831
Thuế nhập khẩu	2.956.111.245	150.133.451.092	113.648.852.977	39.440.709.360
Thuế thu nhập doanh nghiệp	578.282.853.933	1.709.933.878.357	1.591.224.766.930	696.991.965.360
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.012.223.172	1.012.223.172	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.610.834.793	45.407.873.394	50.793.946.825	6.224.761.362
Thuế môn bài	-	25.500.000	25.500.000	-
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	640.884.456	13.903.897.386	13.233.971.629	1.310.810.213
Thuế và các khoản phí, lệ phí khác	(295.817.330)	33.008.922.214	32.733.060.980	(19.956.096)
Cộng	707.889.492.339	3.022.424.821.465	2.769.840.007.896	960.474.305.908
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	746.260.576			557.442.548
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	708.635.752.915			961.031.748.456

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	39.639.882.267	43.081.839.539
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	3.208.246.250	-
Chi phí lãi vay	44.846.910.192	55.003.860.470
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí (i)	122.231.402.265	152.064.265.134
Trích trước chi phí mua khí	912.905.131.893	880.608.028.017
Các khoản khác	71.993.954.429	60.392.301.504
	1.194.825.527.296	1.191.150.294.664

- (i) Tổng Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng các công trình khí trên cơ sở dự toán chi phí phát sinh cho các hạng mục sẽ được sửa chữa trong năm 2013. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích trước các khoản chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN NỘI BỘ

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Quản lý phí phải nộp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	50.069.049.220	45.631.637.351
	50.069.049.220	45.631.637.351

Theo hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty, Tổng Công ty phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chi phí dịch vụ quản lý hàng kỳ theo mức từ 0,05% đến 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả nhận tiền vốn góp (i)	232.314.963.400	232.314.963.400
Bảo lãnh dự thầu	105.159.339.517	105.159.339.517
Các khoản phải trả, phải nộp khác	155.499.187.876	119.280.669.512
	492.973.490.793	456.754.972.429

(i) Khoản phải trả thể hiện phần vốn góp của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long để đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" như đã đề cập tại Thuyết minh số 17.

26. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả dài hạn nội bộ	44.264.383.269	44.264.383.269
	44.264.383.269	44.264.383.269

Phải trả dài hạn nội bộ phản ánh khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về số vốn cấp cho Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ (đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty) để thực hiện Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Rồng Đồi Mồi.

27. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký cược vỏ bình gas	244.676.245.454	267.116.214.489
Khác	2.964.802.435	2.944.802.435
	247.641.047.889	270.061.016.924

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	8.100.033.774.845	8.842.599.162.464
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.000.152.165.734	3.149.003.481.765
Ngân hàng Standard Chartered	1.561.272.222.624	1.845.596.667.069
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	337.514.490.459	443.912.295.925
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.359.041.228.444	1.528.449.282.086
Ngân hàng Đầu tư Châu Âu	228.928.423.667	297.417.903.804
Ngân hàng Calyon Việt Nam	-	94.613.636.251
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	178.813.976.000	218.813.976.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	153.484.672.327	181.435.880.018
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	304.680.685.436	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	100.685.571.191	121.077.559.790
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	875.460.338.963	933.834.738.963
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	28.443.740.793
Nợ dài hạn	112.446.046.817	132.997.302.174
Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính - Sacombank	53.882.327.035	65.384.465.635
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	22.787.395.119	27.567.735.349
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam VILC	32.888.706.316	36.598.588.969
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	2.887.618.347	3.446.512.221
	8.212.479.821.662	8.975.596.464.638
Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày trên phần nợ ngắn hạn)	3.037.087.638.440	2.786.837.315.431
Vay và nợ dài hạn phải trả sau 12 tháng	5.175.392.183.222	6.188.759.149.207

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng đồng Việt Nam, Euro và Đô la Mỹ để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định của Tổng Công ty. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay bằng EUR	-	28.443.740.793
Vay bằng USD	5.653.510.302.834	6.323.771.178.055
Vay bằng VND	2.558.969.518.828	2.623.381.545.790
	8.212.479.821.662	8.975.596.464.638

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tín chấp	6.579.541.644.472	7.032.143.971.015
Bảo lãnh của bên thứ 3	329.613.994.858	513.109.099.845
Bảo đảm bằng tài sản của Tổng Công ty	1.190.878.135.515	1.297.346.091.604
Thuê tài chính	112.446.046.817	132.997.302.174
	8.212.479.821.662	8.975.596.464.638

Các khoản vay của Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Lãi suất trong kỳ là từ 9,1% đến 13,5%/năm đối với Đồng Việt Nam và từ 1% đến 4,5%/năm đối với Đô la Mỹ. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay theo lãi suất cố định	899.776.247.460	860.130.564.872
Vay theo lãi suất thả nổi	7.312.703.574.202	8.115.465.899.766
	8.212.479.821.662	8.975.596.464.638

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	3.037.087.638.440	2.786.837.315.431
Trong năm thứ hai	2.003.989.863.914	2.429.288.754.212
Từ ba năm đến năm thứ năm	2.242.289.999.101	2.664.767.125.454
Sau năm năm	929.112.320.207	1.094.703.269.541
	8.212.479.821.662	8.975.596.464.638
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(3.037.087.638.440)	(2.786.837.315.431)
Số phải trả sau 12 tháng	5.175.392.183.222	6.188.759.149.207

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	18.950.000.000.000	30.966.515.289	357.653.653.654	456.640.566.558	(71.056.425.755)	3.541.719.326.186	214.429.579.255	23.480.353.215.187
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	10.101.958.853.640	-	10.101.958.853.640
Trích lập các quỹ	-	5.846.098.031	1.344.672.211.493	1.013.814.499.699	-	(2.370.332.809.223)	6.000.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	76.799.420.013	-	-	76.799.420.013
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường ban điều hành	-	-	-	-	-	(83.029.522.589)	-	(83.029.522.589)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(6.064.000.000.000)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	-	-	85.771.831.702	(85.771.831.702)	-
Thay đổi khác	-	(17.192.985)	-	-	-	(67.894.882.324)	-	(67.912.075.309)
Trừ lợi ích cổ đông thiểu số	-	(3.784.579.252)	(154.252.612.010)	(13.835.460.310)	(5.742.994.258)	(72.384.865.871)	(2.970.000.000)	(252.970.511.701)
Số dư tại ngày 01/01/2013	18.950.000.000.000	33.010.841.083	1.548.073.253.137	1.456.619.605.947	-	5.071.807.931.521	131.687.747.553	27.191.199.379.241
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	7.379.039.844.905	-	7.379.039.844.905
Trích lập các quỹ (i)	-	-	2.784.285.003.399	6.911.406.638	-	(2.797.646.410.037)	6.450.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường ban điều hành (ii)	-	-	-	-	-	(156.319.297.587)	-	(156.319.297.587)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.895.000.000.000)
Thay đổi khác	-	-	-	(615.670.762)	-	(8.133.096.575)	-	(8.748.767.337)
Phân bổ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	(96.761.435.130)	(3.825.408.666)	-	(95.527.873.206)	(3.192.750.000)	(199.307.467.002)
Số dư tại ngày 30/6/2013	18.950.000.000.000	33.010.841.083	4.235.596.821.406	1.459.089.933.157	-	7.498.221.099.021	134.944.997.553	32.310.863.692.220

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i) Trong đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty phân phối lại lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2012 theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 74/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 vào Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Dự phòng tài chính với số tiền lần lượt là 2.615.000.000.000 đồng và 383.749.448 đồng.

(ii) Trong đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty thực hiện trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 74/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013 với số tiền 89.873.770.633 đồng.

Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng thực hiện tạm trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền 39.250.000.000 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng số tiền trích các quỹ trên sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.832.835.900	96,72	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	62.164.100	3,28	621.641.000.000
	1.895.000.000	100	18.950.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.895.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ tức:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 74/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 3 từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 trong kỳ với số tiền là 1.895.000.000.000 đồng (tương đương với 1.000 đồng/cổ phần).

30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	892.131.685.993	892.131.685.993
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	8.110.915.588	8.110.915.588
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	14.845.685.500	14.845.685.500
Thặng dư vốn cổ phần	38.055.042.784	38.055.042.784
Quỹ đầu tư phát triển	452.605.731.373	350.828.893.291
Quỹ dự phòng tài chính	63.149.809.410	56.816.699.268
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.162.750.000	2.970.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	202.572.206.430	278.726.927.272
	1.677.633.827.078	1.642.485.849.696

31. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬNBộ phận theo lĩnh vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí (gồm có Công ty mẹ, PV GAS South, PV GAS North và PV GAS D);
- Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí: sản xuất ống thép, bình khí xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình khí (gồm có PV Pipe, PV Cylinder và PVID);
- Các hoạt động khác: tổ chức các hoạt động thể thao và văn hóa (gồm có PSCC).

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.651.733.274.235	119.601.714.794	9.871.449.947	-	17.781.206.438.976
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20.750.000.000	300.000.000	-	-	21.050.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.945.651.553.928	274.040.828.663	463.733.022	(2.262.250.849.574)	5.957.905.266.039
Hàng tồn kho	1.458.615.252.203	182.189.912.520	-	-	1.640.805.164.723
Tài sản ngắn hạn khác	460.414.976.176	12.921.748.647	682.735.169	-	474.019.459.992
Tài sản cố định	17.481.863.051.066	2.474.201.355.567	596.204.208	72.956.724.349	20.029.617.335.190
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.253.314.111.465	-	-	(2.405.222.439.758)	848.091.671.707
Tài sản dài hạn khác	1.640.452.657.109	149.834.806.665	-	(1.409.856.435)	1.788.877.607.339
Lợi thế thương mại	15.143.279.385	-	-	565.569.825.098	580.713.104.483
Tổng tài sản hợp nhất	49.927.938.155.567	3.213.090.366.856	11.614.122.346	(4.030.356.596.320)	49.122.286.048.449
Nợ phải trả					
Nợ ngắn hạn	10.435.494.766.456	999.143.196.843	1.051.397.152	(2.189.178.554.425)	9.246.510.806.026
Nợ dài hạn	5.092.906.266.994	795.896.883.366	-	(1.525.427.235)	5.887.277.723.125
Tổng nợ phải trả hợp nhất	15.528.401.033.450	1.795.040.080.209	1.051.397.152	(2.190.703.981.660)	15.133.788.529.151

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Tổng doanh thu thuần	35.721.239.108.402	421.191.554.980	6.491.000.000	(4.346.626.108.917)	31.802.295.554.465
Doanh thu nội bộ	4.287.076.473.480	59.549.635.437	-	(4.346.626.108.917)	-
Doanh thu bán ra bên ngoài	31.434.162.634.922	361.641.919.543	6.491.000.000	-	31.802.295.554.465
Chi phí kinh doanh	27.996.993.551.326	398.078.137.641	6.831.964.468	(4.310.735.093.038)	24.091.168.560.397
- Giá vốn hàng bán	26.538.112.134.887	372.298.536.609	500.000.000	(4.313.597.565.515)	22.597.313.105.981
- Chi phí bán hàng	660.303.942.275	437.081.622	-	(30.005.425.002)	630.735.598.895
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	798.577.474.164	25.342.519.410	6.331.964.468	32.867.897.479	863.119.855.521
Kết quả hoạt động kinh doanh	7.724.245.557.076	23.113.417.339	(340.964.468)	(35.891.015.879)	7.711.126.994.068
Phân lợi nhuận trong các công ty liên kết					2.254.026.817
Doanh thu hoạt động tài chính					567.202.890.212
Chi phí tài chính					339.790.484.295
Lợi nhuận khác					1.142.304.822.346
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					9.083.098.249.148
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.705.642.448.089
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.584.043.846)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					7.379.039.844.905

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	31.855.998.763.952	36.712.763.676.912
Doanh thu bán khí khô	16.861.907.559.611	20.154.937.211.526
Doanh thu bán LPG	12.122.551.705.045	14.414.241.012.801
Doanh thu vận chuyển khí	1.961.970.339.656	1.132.840.369.635
Doanh thu bán condensate	233.305.314.577	182.136.965.578
Doanh thu cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	58.546.878.037	58.084.346.784
Doanh thu khác	617.716.967.026	770.523.770.588
Các khoản giảm trừ doanh thu	53.703.209.487	40.702.147.687
Chiết khấu thương mại	32.493.635.435	24.144.241.725
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu	21.209.574.052	16.557.905.962
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.802.295.554.465	36.672.061.529.225

Tổng Công ty xác định thời điểm ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và chi phí mua khí của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 5 và tháng 6 năm 2013 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền lần lượt là 4.247 tỷ đồng và 3.482 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2012 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền lần lượt là 4.380 tỷ đồng và 3.376 tỷ đồng).

33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Giá vốn bán khí khô	11.118.782.646.064	16.013.259.021.309
Giá vốn bán LPG	10.167.819.415.905	12.506.032.208.969
Giá vốn vận chuyển khí	678.494.185.200	212.556.721.267
Giá vốn bán condensate	105.882.478.118	88.672.201.222
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	23.781.242.855	24.897.978.937
Giá vốn khác	502.553.137.839	621.679.965.000
22.597.313.105.981	29.467.098.096.704	

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	528.928.905.645	586.216.739.710
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.790.419.717	23.111.810.574
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.461.567.320	1.918.562.473
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.359.997.530	6.196.391.000
Lãi từ bán các khoản đầu tư	2.662.000.000	-
567.202.890.212	617.443.503.757	

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	209.755.353.313	213.547.957.005
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.926.106.726	33.871.630.894
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	78.494.032.504	-
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	20.200.318.982	-
Chi phí tài chính khác	2.414.672.770	9.668.847.762
	339.790.484.295	257.088.435.661

36. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học công nghệ (i)	1.146.711.002.353	-
Thu từ thanh lý tài sản	-	17.792.219.409
Thu tiền phạt, bồi thường theo hợp đồng	-	3.339.801.834
Thu nhập khác	28.445.450.901	35.786.935.112
	1.175.156.453.254	56.918.956.355

- (i) Tổng Công ty hoàn nhập Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ không sử dụng theo Nghị quyết số 01/NQ-KVN của Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 01 năm 2013.

37. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập do hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	30.945.482.839	-
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	337.241.987	16.045.506.993
Chi phí khác	1.568.906.082	4.303.775.171
	32.851.630.908	20.349.282.164

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	9.083.098.249.148	6.075.571.407.653
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.705.642.448.089	1.149.930.731.926
<i>Trong đó:</i>		
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.617.645.836.685	994.847.624.878
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	25.432.007.008	14.232.688.920
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc	4.590.424.077	1.044.990.188
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	48.289.673.118	127.757.692.814
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	9.677.083.554	12.000.844.886
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hoá Dầu khí	7.423.647	46.890.240

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty có các khoản ưu đãi thuế lớn như sau:

(i) Công ty mẹ - Tổng Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với Dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001, Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Công ty mẹ - Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Công ty mẹ - Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Công ty mẹ - Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

(ii) Công ty con - PVGAS South được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế hai năm và giảm 50% cho sáu năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - công ty con của PVGAS South có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

(iii) Công ty con - PV Pipe được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 53101000116 ngày 21 tháng 10 năm 2010 của UBND tỉnh Tiền Giang, Công ty được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 20% áp dụng trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ	7.200.943.061.986	4.669.606.789.644
Lợi nhuận trả cho các bên tham gia liên doanh tòa nhà PVGas Tower	7.378.611.794	6.958.847.582
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.193.564.450.192	4.662.647.942.062
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	1.895.000.000	1.895.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.796	2.461

40. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.121.201.787.570	2.658.826.579.275
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	8.975.813.256.274	14.354.115.037.261
Chi phí nhân công	316.973.928.038	336.218.594.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.623.098.513.562	1.557.263.118.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	641.091.830.310	610.904.521.399
Chi phí khác	1.123.717.331.741	889.259.236.517
Tổng cộng	15.801.896.647.495	20.406.587.087.843

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***41. CÁC KHOẢN CAM KẾT****(i) Cam kết vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kho chứa LPG lạnh	566.923.357.216	733.282.927.297
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	944.910.779.572	955.832.499.248
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình lô 102 và 106	610.067.594.254	612.479.893.472
Công trình Mở rộng hệ thống thu gom khí mỏ Rồng giai đoạn 1	1.031.141.563.645	1.108.081.241.716
	3.153.043.294.687	3.409.676.561.733

(ii) Cam kết khác

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận chuyển khí:

Cam kết mua hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 06.1	Tối thiểu là 4 tỷ m ³ /năm	Đến 30 tháng 6 năm 2014
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 11.2	Tối thiểu là 1,216 tỷ m ³ /năm	Đến hết Giai Đoạn Bình Ổn của Lô 11.2

Cam kết bán hàng

Cam kết bán hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 1,85 tỷ m ³	Trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m ³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m ³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 0,447 tỷ m ³	Trong giai đoạn bình ổn theo Hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	Tối thiểu hàng năm là 0,785 tỷ m ³	Đến 30 tháng 6 năm 2014

Tổng Công ty đã ký hợp đồng với Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc cung cấp khí cho các nhà máy điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ nguồn bể khí Nam Côn Sơn. Việc cung cấp khí được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2009. Hợp đồng cung cấp khí giữa các bên có xác định định mức bao tiêu khí hàng năm, nhưng chưa có quy định về đơn giá áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu (nếu có) này. Tổng Công ty đang ghi nhận doanh thu bán khí đối với lượng khí giao vượt trên định mức bao tiêu trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 theo đơn giá tạm tính.

Đến ngày phát hành báo cáo này, Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang trong quá trình thương thảo để thống nhất đơn giá bán khí áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu quy định trong hợp đồng mua bán khí nêu trên. Số chênh lệch doanh thu (nếu có) khi áp dụng đơn giá bán khí mới sẽ được Tổng Công ty điều chỉnh và ghi nhận vào kết quả kinh doanh của các kỳ tiếp theo ngay khi thống nhất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và số 28 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/6/2013 VND	Giá trị ghi sổ 31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.781.206.438.976	12.753.084.518.890
Đầu tư ngắn hạn	21.050.000.000	68.900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.323.393.718.570	4.920.197.430.227
Đầu tư dài hạn	772.600.283.780	792.191.630.935
Tài sản tài chính khác	241.812.276.801	221.763.244.670
Tổng cộng	24.140.062.718.127	18.756.136.824.722
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.329.372.891.662	9.230.618.770.687
Phải trả người bán và phải trả khác	4.044.681.916.891	4.339.997.402.116
Chi phí phải trả	1.194.825.527.296	1.191.150.294.664
Tổng cộng	13.568.880.335.849	14.761.766.467.467

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Tổng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013		
VND	+200	148.591.932.884
VND	-200	(148.591.932.884)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012		
VND	+200	182.558.220.122
VND	-200	(182.558.220.122)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, theo đó Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 54.041.423.927 đồng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.781.206.438.976	-	17.781.206.438.976
Đầu tư ngắn hạn	21.050.000.000	-	21.050.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.323.393.718.570	-	5.323.393.718.570
Đầu tư dài hạn	-	772.600.283.780	772.600.283.780
Tài sản tài chính khác	241.812.276.801	-	241.812.276.801
	23.367.462.434.347	772.600.283.780	24.140.062.718.127
30/6/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	3.153.980.708.440	5.175.392.183.222	8.329.372.891.662
Phải trả người bán và phải trả khác	3.746.508.899.178	298.859.878.797	4.045.368.777.975
Chi phí phải trả	1.194.825.527.296	-	1.194.825.527.296
	8.095.315.134.914	5.474.252.062.019	13.569.567.196.933
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.272.147.299.433	(4.701.651.778.239)	10.570.495.521.194

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.753.084.518.890	-	12.753.084.518.890
Đầu tư ngắn hạn	68.900.000.000	-	68.900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.920.197.430.227	-	4.920.197.430.227
Đầu tư dài hạn	-	792.191.630.935	792.191.630.935
Tài sản tài chính khác	221.763.244.670	-	221.763.244.670
	17.963.945.193.787	792.191.630.935	18.756.136.824.722
31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	3.041.859.621.480	6.188.759.149.207	9.230.618.770.687
Phải trả người bán và phải trả khác	2.870.744.990.733	1.469.252.411.383	4.339.997.402.116
Chi phí phải trả	1.191.150.294.664	-	1.191.150.294.664
	7.103.754.906.877	7.658.011.560.590	14.761.766.467.467
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.860.190.286.910	(6.865.819.929.655)	3.994.370.357.255

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	280.363.391.298	311.664.847.486
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí	1.451.457.001.641	1.457.966.658.209
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	233.325.937.304	182.206.729.477
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	235.654.725.824	386.484.302.193
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	3.478.076.991.954	5.212.516.212.513
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	395.370.740.255	346.819.993.254
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	46.423.984.606	85.591.892.993
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	850.933.294.969	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	323.340.429.008	331.864.863.369

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.954.547.740.565	933.361.421.445
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	1.866.542.590.460	3.563.857.268.292
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	181.998.066.713	386.271.803.256
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.672.026.079.097	3.832.866.654.362
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VietsovPetro	135.217.550.948	72.342.003.754
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	-	37.950.165.096
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	40.049.849.348	43.433.430.118
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	95.535.414.215	37.950.165.096
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	8.492.672.831	8.259.960.550

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	304.499.393.951	778.684.404.634
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	260.333.631.853	263.117.723.252
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	435.519.052.644	335.694.672.382
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	87.701.055.722	97.686.018.925
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	41.008.386.108	40.453.188.086
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	33.810.408.694	27.617.030.195
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	49.304.695.322	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	117.742.173.763	125.731.918.738
Phải thu khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	65.374.908.483	38.776.911.280
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.131.365.191	50.395.748.460
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	57.922.812.420	90.647.474.754
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	637.201.748.232	776.452.354.601
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	1.896.688.448	16.534.498.331
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VietsovPetro	55.120.005.449	41.621.760.075
Phải trả nội bộ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	94.333.432.489	89.896.020.620
Chi phí phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	914.425.453.873	880.608.028.017

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau (Tiếp theo):

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả khác		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	171.162.261.621	153.334.600.000
Trả trước người bán		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	19.536.422.598	31.021.824.003
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	173.645.399.729	-
Các khoản ủy thác đầu tư		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	346.000.000.000	346.000.000.000
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	1.359.041.228.444	1.528.449.282.086

44. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (công ty con của Tổng Công ty) đã có quyết định tăng vốn điều lệ từ 1.300 tỷ đồng lên 1.725 tỷ đồng theo hình thức phát hành cổ phần mới cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên. Theo đó, Tổng Công ty cam kết góp vốn thêm với số tiền là 399,5 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí. Tại ngày 08 tháng 7 năm 2013, Tổng Công ty đã thực góp vốn thêm vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí với số tiền 180 tỷ đồng.

Ngày 25 tháng 7 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 109/NQ-KVN thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 với mức cổ tức là 1.000 đồng/cổ phần.

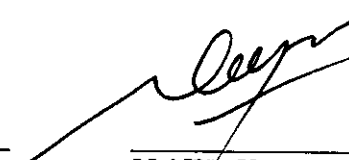
45. SỐ LIỆU SO SÁNH

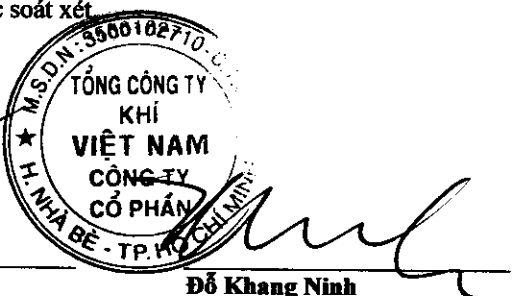
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.


Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013


Mai Hữu Ngân
Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

